

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2020/DS-PT

Ngày: 19-5-2020

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Quy
Ông Ưông V Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 803/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1762/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Khuru Thị Thanh H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ thường trú: Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 117/15/39 đường H, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số 1128 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Dương Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 62/6 đường X, Tổ H, Ấp B, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 013818 ngày 29/6/2018, lập tại Văn phòng Công chứng B).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Dương Thị Kim P**, sinh năm 1991.

2. Bà **Dương Thị Thanh L1**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số 117/15/39 đường H, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Nguyễn Thị Phương C**, sinh năm 1983.

4. bà **Lý Xiếu H**, sinh năm 1855.

5. Trẻ **Phùng Phương Đ**, sinh năm 2006.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Phùng Phương Đ:

Bà Nguyễn Thị Phương C, sinh năm 1983. (mẹ ruột)

Cùng địa chỉ: Số 1126, Tỉnh lộ M, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Lê Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Khưu Thị Thanh H và ông Dương Công V là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào năm 1984. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là Dương Thị Thanh L1 và Dương Thị Kim P. Tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận số: H01797/Tân Tạo do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 27/3/2006. Năm 2009, ông V chết không để lại di chúc và chưa kê khai di sản thừa kế vì lí do cụ Lê Thị L (mẹ ông V) không đồng ý ký tên cho bà H làm thủ tục kê khai nhận di sản. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia phần di sản thừa kế là căn nhà Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần di sản của ông Dương Công V chết để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà. Do căn nhà là tài sản duy nhất nên nguyên đơn mong muốn lấy nhà để làm nơi thờ cúng chồng nên xin nhận nhà và trả lại tiền bằng phần thừa kế mà bị đơn được hưởng theo quy định pháp luật.

Bị đơn – cụ Lê Thị L có ông Dương Văn T đại diện trình bày:

Nguồn gốc căn nhà Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, thực chất là của vợ chồng bị đơn. Năm 1985, bị đơn cho con là ông Dương Công V một khoản tiền 1,500,000 đồng mua vật tư để xây dựng căn nhà cấp 4. Sau khi xây dựng xong thì nguyên đơn mới đưa con về ở. Năm 1996, bị đơn cho ông V số tiền 40,000,000 đồng để nâng cấp căn nhà thêm gác và xây dựng thêm phía sau như hiện nay. Đến năm 2009, ông V bị bệnh đến khi chết, toàn bộ viện phí, thuốc men và mai táng đều do bị đơn chi trả.

Bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về tài sản thừa kế, về hàng thừa kế vì cha ông V là ông Dương Văn D (chết năm 1975) và đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật, không tranh chấp tài sản đã cho con. Nhưng bị đơn muốn giữ lại nhà để làm tài sản kỷ niệm với con trai nên có nguyện vọng nhận nhà và trả lại tiền tương ứng với phần của nguyên đơn và các cháu là L1 và P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Dương Thị Kim L1 và Dương Thị Kim P trình bày: Chị Dương Thị Kim L1 và Dương Thị Kim P cùng là con gái của ông Dương Công V và bà Khưu Thị Thanh H. Trong quá trình chung sống cha mẹ của các chị có tạo lập nhà và đất tại Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2009, cha chết và không để lại di chúc. Nay các chị thống nhất với Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế căn nhà trên đối với phần của cha và xin giữ lại căn nhà trên làm nơi thờ cúng cha.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương C (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Phùng Phương Đ) trình bày: Bà thuê căn nhà của nguyên đơn để buôn bán quần áo. Thời hạn thuê: 02 năm từ ngày 21/05/2018 đến 21/05/2020. Giá thuê là 11,500,000 đồng/tháng, trả tiền hàng tháng cho nguyên đơn. Hiện tại, bà cùng con Phùng Phương Đ đang sinh sống tại địa chỉ trên. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Dương Công V, bà không liên quan và không có yêu cầu. Đề nghị Tòa án giải quyết căn cứ theo quy định pháp luật. Đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Xiếu H trình bày: Bà có đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên để phụ buôn bán với con gái là Nguyễn Thị Phương C nhưng bà không ở thường xuyên. Bà xác định là bà không liên quan và cũng không có yêu cầu trong vụ án tranh chấp. Bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 803/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Khuru Thị Thanh H.

1.1 Bà Khuru Thị Thanh H, bà Lê Thị L, bà Dương Thị Thanh L1 và bà Dương Thị Kim P mỗi người được hưởng một suất thừa kế là 1/8 trị giá nhà đất tại Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận số: AD 322615, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H01797/Tân Tạo do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 27/3/2006)

1.2 Phần của bà Khuru Thị Thanh H tại căn nhà Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng là 5/8 trị giá nhà đất.

1.3 Giao nhà và đất tại Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Khuru Thị Thanh H. Bà H có trách nhiệm giao ngay số tiền tương ứng với một suất thừa kế cho bà L, bà L1, bà P mỗi người được hưởng là 64,605,625 đồng (sáu mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, sáu trăm, hai mươi lăm đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền cho các thừa kế là bà L, bà L1, bà P xong thì bà H được liên hệ cơ quan chức năng hoàn tất giấy tờ pháp lý đối với căn nhà trên theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà L, bà L1, bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí đo vẽ và định giá: phía nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí và đã nộp xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Do cụ Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 30/12/2019, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tổng đạt bản án, cùng ngày bà Lê Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm tuyên xử, giao nhà và đất cho cụ Lê Thị L, bà L sẽ có trách nhiệm giao lại toàn bộ phần tài sản của nguyên đơn và suất thừa kế bằng tiền tương ứng. Với lý do bà Khuru Thị Thanh H đã bán nhà cho người khác mà không có nhu cầu sử dụng di sản để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nêu lý do kháng cáo là xin được giữ nhà làm kỷ niệm và đồng ý trả cho nguyên đơn và các đồng thừa kế số tiền 1,200,000,000 đồng. Căn cứ cho yêu cầu vì muốn giữ lại nhà trong khi nguyên đơn không có nhu cầu sử dụng và đã bán căn nhà cho người khác. Căn cứ cho yêu cầu là bản sao của các giấy tờ sau: Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 16/7/2013; Hợp đồng đặt cọc ngày 03/8/2014, Hợp đồng mua bán nhà ngày 03/8/2014; Biên bản bàn giao nhà năm 2014. Có nội dung nguyên đơn và các con cầm cố căn nhà cho trên cho bà Trần Thị Diễm T vào năm 2013, sau đó đến năm 2014 đã bán nhà cho bà Khuru Thị Minh X. Ngoài ra, đại diện bị đơn xác định không tranh chấp quyền sở hữu căn nhà trên với nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà Khuru Thị Minh X trình bày: Bà là cháu của bị đơn, năm 2014 do hoàn cảnh gia đình nguyên đơn khó khăn. Bà có giúp cho nguyên đơn và các em một khoản tiền, nhưng lập hợp đồng mua bán và xác nhận việc mua bán nhà đất là không có thật. Nay bà xác định không có tranh chấp liên quan đến số tiền bà đã hỗ trợ nguyên đơn; cũng như không tranh chấp với nguyên đơn theo các Hợp đồng đặt cọc ngày 03/8/2014, Hợp đồng mua bán nhà ngày 03/8/2014. Theo bà X, việc lập hợp đồng lúc đó chỉ nhằm mục đích gây áp lực cho cụ Lê Thị L giao nhà cho nguyên đơn và các cháu toàn quyền định đoạt.

Nguyên đơn xác nhận đúng như trình bày của bà Khuru Thị Minh X, đồng thời nêu lý do không ở tại căn nhà trên cho thuê và phải thuê nơi khác nhỏ hơn mới có tiền dư sử dụng. Nguyên đơn và những người liên quan không đồng ý

với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, với lý do nếu làm kỷ niệm thì nguyên đơn và các con phải được giữ nhà. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]*Về hình thức:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[2]*Về nội dung:*

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn đồng ý việc chia di sản thừa kế của ông Dương Công V, nhưng yêu cầu được nhận nhà để làm kỷ niệm và thanh toán cho nguyên đơn và các con số tiền 1,200,000,000 đồng, với lý do nguyên đơn cùng các con không có nhu cầu sử dụng nhà. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử cần đặt ra là việc bị đơn muốn nhận lại căn nhà để làm kỷ niệm và xác định nguyên đơn có hay không nhu cầu sử dụng căn nhà trên có làm căn cứ để giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đều xác định Căn nhà tại địa chỉ Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận số: H01797/Tân Tạo do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 27/3/2006 là tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn. Năm 2009, chồng nguyên đơn chết không để lại di chúc và các bên không tranh chấp về hàng thừa kế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản là di sản thừa kế của ông Dương Công V là $\frac{1}{2}$ Căn nhà. Bị đơn được chia di sản thừa kế theo luật là $\frac{1}{8}$ giá trị căn nhà, và đã có chỗ ở ổn định. Trong khi Căn nhà là tài sản duy nhất của nguyên đơn và nguyên đơn cùng

hai con được sở hữu phần lớn giá trị căn nhà, do đó lý do được nhận nhà để làm kỷ niệm của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3]Xét thấy, bị đơn nêu lý do nguyên đơn không có nhu cầu sử dụng với căn cứ là đã bán nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng mua bán nhà của nguyên đơn cùng các con bán nhà sau khi ông Dương Công V chết, nhưng không được sự đồng ý của cụ Lê Thị L - đồng thừa kế là không có giá trị pháp lý. Đương sự tại phiên tòa hôm nay đã xác định không tranh chấp, không có cơ sở xem xét đến hợp đồng mua bán nhà nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không cần đưa bà Khuru Thị Minh X vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2.4]Từ những căn cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng chồng, bản thân rất khó khăn về chỗ ở và khó khăn về kinh tế. Trong khi bị đơn chỉ được hưởng 1/8 giá trị của tài sản, nguyên đơn được 6/8 giá trị tài sản và được các con đồng tình giữ nhà. Mặt khác, căn nhà nếu dùng cho việc thờ cúng và làm kỷ niệm thì vợ và các con của người chết phải thực hiện mới đúng với phong tục tập quán. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3]Bị đơn có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp người cao tuổi nên không phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 803/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Thị Thanh H.

1.1 Bà Khuru Thị Thanh H, cụ Lê Thị L, bà Dương Thị Thanh L1 và bà Dương Thị Kim P mỗi người được hưởng một suất thừa kế là 1/8 trị giá nhà đất tại Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận số: AD 322615, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H01797/Tân Tạo do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 27/3/2006)

1.2 Phần của bà Khuru Thị Thanh H tại căn nhà Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tổng cộng là 5/8 trị giá nhà đất.

1.3 Giao nhà và đất tại Số 1126 Tỉnh lộ M, Khu phố S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Khuru Thị Thanh H. Bà H có trách nhiệm giao ngay số tiền tương ứng với một suất thừa kế cho cụ Lê Thị L, bà Dương Thị Thanh L1 và bà Dương Thị Kim P mỗi người được hưởng là 64,605,625 đồng (sáu mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, sáu trăm, hai mươi lăm đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ giao tiền cho các thừa kế là cụ Lê Thị L, bà Dương Thị Thanh L1 và bà Dương Thị Kim P xong thì bà Khuru Thị Thanh H được liên hệ cơ quan có thẩm quyền hoàn tất giấy tờ pháp lý đứng tên chủ quyền đối với toàn bộ căn nhà trên theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày cho cụ Lê Thị L, bà Dương Thị Thanh L1 và bà Dương Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nguyên đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng nguyên đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí đo vẽ và định giá: phía nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Khuru Thị Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm là 3,230,281 đồng (ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn, hai trăm tám mươi một đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 3,125,000 đồng (ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2018/0029099 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. Bà Khưu Thị Thanh H còn phải nộp thêm số tiền 105,281 đồng (một trăm lẻ năm nghìn, hai trăm tám mươi một đồng).

Bà Dương Thị Thanh L1 và bà Dương Thị Kim P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3,230,281 đồng (ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn, hai trăm tám mươi một đồng).

Cụ Lê Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Châu Kim Anh